TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1165/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 28 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 925/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đ.B.V, sinh năm: 1986; Địa chỉ: 38/A LHP, Phường H, quận G, TP. HCM;

- Ông N.Q.P, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Ấp TB, TQ, MX, Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Đ.B.V và ông N.Q.P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 04/7/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20/8/2024, bà Đ.B.V và ông N.Q.P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Bà Đ.B.V là người trực tiếp nuôi con chung, ông N.Q.P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 8/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Đương sự khai là không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Đ.B.V và ông N.Q.P thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không có tài sản chung; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Đ.B.V và ông N.Q.P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực.

- Về con chung: Có con chung tên N.L.P, sinh ngày 10/5/2017. Giao con chung cho bà Đ.B.V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N.Q.P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền kể từ tháng 8/2024.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông N.Q.P có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đ.B.V và ông N.Q.P phải chịu lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014211 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bửu Tịnh